TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19/01/2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin.

2. Ông Nguyễn Thanh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1340/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thu S, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L.

Bị đơn: Ông Phạm Minh C, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L.

(Bà S, Ông C có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/12/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Nguyễn Thu S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Do quen biết và được gia đình hai bên đồng ý, nên bà và Ông C đã xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức Lập Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An năm 2008.

Sau khi cưới vợ chồng sống tại xã Đức Lập Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Cuộc sống vợ chồng thời gian hạnh phúc, nhưng đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do Ông C gây nợ nhiều lần, không chăm lo cuộc sống gia đình. Chúng tôi cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng không thành. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục, tình

cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với Ông C.

Về con chung: có 02 con chung tên Phạm Gia Nguyễn sinh ngày 19/11/2008 và Phạm Gia Bảo, sinh ngày 29/01/2016. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con, yêu cầu Ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 20/12/2024 trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn Ông Phạm Minh C trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của Bà S về quá trình xác lập quan hệ vợ chồng, thủ tục đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng đến tháng 8/2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông mắc nợ nhiều người, phải bỏ nhà đi nhưng ông vẫn chu cấp cho vợ con tiền sinh hoạt hằng tháng. Nay trước yêu cầu ly hôn của Bà S, ông không đồng ý vì ông còn thương vợ con hơn nữa con ông còn rất nhỏ ông không muốn con phải thiếu thốn tình cảm của cha hoặc mẹ.

Về con chung: có 02 con chung tên Phạm Gia Nguyễn sinh ngày 19/11/2008 và Phạm Gia Bảo, sinh ngày 29/01/2016. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu cầu ly hôn của Bà S, ông cũng đồng ý để Bà S được nuôi con, ông cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thu S khởi kiện yêu cầu ly hôn với Ông Phạm Minh C, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tố tụng "Tranh chấp ly hôn", thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

[2]. Về việc tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án: Bà Nguyễn Thu S có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với Ông Phạm Minh C, xác định Bà S là nguyên đơn, Ông C là bị đơn.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của Bà S:

Bà S Ông C xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức Lập Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn:

Bà S trình bày về nguyên nhân mâu thuẫn là do Ông C không lo làm ăn, không chăm sóc vợ con, thiếu trách nhiệm với gia đình và tính tình vợ chồng không hợp, bà đã tạo cơ hội để hàn gắn tình cảm, nhưng Ông C không có thiện chí để cùng bà tiếp tục xây dựng gia đình, nên vợ chồng đã không còn chung sống với nhau khoảng 06 tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Ông C cũng thừa nhận những khuyết điểm của bản thân đã làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án Bà S trình bày là không còn tình cảm với chồng, cuộc sống vợ chồng đã không còn hạnh phúc và mong Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với Ông C. Ông C muốn hàn gắn lại tình cảm với vợ, nhưng không đưa ra được phương án để Bà S quay về chung sống. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa Ông C Bà S đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà S.

Về con chung: có 02 con chung tên Phạm Gia Nguyễn sinh ngày 19/11/2008 và Phạm Gia Bảo, sinh ngày 29/01/2016, Ông C đồng ý khi ly hôn để Bà S được nuôi dưỡng con chung, ông cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng, nên Hội đồng xét xử giao hai con chung cho Bà S nuôi dưỡng, Ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản chung: Ông C Bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về chia nợ chung: Bà S, Ông C xác định nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; Ông C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tóa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà Nguyễn Thu S đối với Ông Phạm Minh C.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho Bà Nguyễn Thu S được ly hôn với Ông Phạm Minh C.

[2]. Về con chung: Giao 02 con chung tên Phạm Gia Nguyễn sinh ngày 19/11/2008 và Phạm Gia Bảo, sinh ngày 29/01/2016 cho Bà Nguyễn Thu S tiếp tục nuôi dưỡng, Ông Phạm Minh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung tên Phạm Gia Nguyễn sinh ngày 19/11/2008 và Phạm Gia Bảo, sinh ngày 29/01/2016 đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng khi có yêu cầu của một hoặc hai bên.

Trường hợp, bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thu S phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005482 ngày 29/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, Long An. Bà Nguyễn Thu S đã nộp xong án phí.

Ông Nguyễn Minh Châu phải chịu 300.00 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con

[4]. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

[5]. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã Đức Lập Thượng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hiền